

**BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH
VÀ XÃ HỘI
TỔNG CỤC GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1342 /TCGDNN-KHTC
V/v xây dựng kế hoạch phát triển
giáo dục nghề nghiệp, dự toán kinh phí
CTMTQG, CTMT năm 2020 và báo cáo
tình hình rà soát, sắp xếp cơ sở GDNN

Hà Nội, ngày 18 tháng 7 năm 2019

Kính gửi:

- Các bộ, ngành, cơ quan Trung ương;
- Ủy ban nhân dân các tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương.

Thực hiện Nghị quyết số 08/NQ-CP ngày 24/01/2018 của Chính phủ về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành TW Đảng khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập; Chỉ thị số 16/CT-TTg ngày 25/6/2019 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2020, Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp đề nghị Quý cơ quan, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội như sau:

1. Xây dựng kế hoạch phát triển giáo dục nghề nghiệp năm 2020 (theo hướng dẫn tại Phụ lục số 01).
2. Xây dựng dự toán kinh phí năm 2020 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia, Chương trình mục tiêu trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp (theo hướng dẫn tại Phụ lục số 02).
3. Báo cáo rà soát, sắp xếp cơ sở giáo dục nghề nghiệp thuộc phạm vi quản lý (theo hướng dẫn tại Phụ lục số 03).

Báo cáo gửi về Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp, địa chỉ: số 37B Nguyễn Bình Khiêm, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội để tổng hợp, báo cáo Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và các cơ quan có liên quan.

Xin trân trọng cảm ơn. /

Nơi nhận:

- Như trên;
- Sở LĐ-TB&XH các tỉnh/thành phố trực thuộc TW;
- Cổng thông tin điện tử Tổng cục GDNN;
- Lưu: VT, KHTC.

TỔNG CỤC TRƯỞNG

Nguyễn Hồng Minh

**XÂY DỰNG KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP
NĂM 2020**

*(Phụ lục kèm theo Công văn số 1342/TCGDNN-KHTC ngày 18/7/2019
của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp)*

**I. ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN CHỈ TIÊU, NHIỆM VỤ 6 THÁNG ĐẦU NĂM VÀ
ƯỚC THỰC HIỆN CẢ NĂM 2019**

Đánh giá tình hình thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ 6 tháng đầu năm 2019 và ước cả năm 2019 về lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp (so sánh với cùng kỳ năm 2018 và kế hoạch cả năm 2019). Phân tích, đánh giá kết quả đạt được, những tồn tại, khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện; nguyên nhân và giải pháp, phương hướng thực hiện trong thời gian tới; kiến nghị, đề xuất...). Trong đó, đánh giá cụ thể kết quả thực hiện nội dung sau:

- Công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức của các tổ chức, cá nhân và xã hội về giáo dục nghề nghiệp.
- Công tác tuyển sinh đào tạo nghề nghiệp; đào tạo chất lượng cao; thực hiện các điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục nghề nghiệp (phát triển chương trình; đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý; xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật; thực hiện kiểm định, bảo đảm chất lượng giáo dục nghề nghiệp, đổi mới phương thức quản trị nhà trường...).
- Tổ chức thực hiện các chính sách hỗ trợ đào tạo nghề nghiệp đối với người học như: chính sách miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập; hỗ trợ đào tạo nghề cho thanh niên hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ công an, thanh niên tình nguyện hoàn thành nhiệm vụ thực hiện chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội; chính sách nội trú...
- Triển khai rà soát, sắp xếp cơ sở giáo dục nghề nghiệp theo tinh thần Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban chấp hành Trung ương Đảng khoá XII, Nghị quyết số 08/NQ-CP ngày 24/01/2018 của Chính phủ về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017.
- Tình hình tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập.
- Xã hội hoá, thu hút các nguồn lực phát triển giáo dục nghề nghiệp; gắn kết giáo dục nghề nghiệp với doanh nghiệp.

II. XÂY DỰNG KẾ HOẠCH NĂM 2020

Kế hoạch phát triển giáo dục nghề nghiệp năm 2020 cần bám sát các mục tiêu, nhiệm vụ của Kế hoạch 5 năm 2016-2020, Chỉ thị số 16/CT-TTg ngày

25/6/2019 của Thủ tướng Chính phủ, phấn đấu với quyết tâm cao nhất hoàn thành thắng lợi kế hoạch 5 năm 2016-2020. Định hướng nhiệm vụ chủ yếu trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp năm 2020 như sau:

- Tiếp tục thực hiện các giải pháp đột phá mạnh mẽ, phát triển và đổi mới giáo dục nghề nghiệp gắn với nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao, phù hợp với nhu cầu thị trường lao động, đáp ứng yêu cầu phát triển của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ 4, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia.

- Triển khai thực hiện các chương trình đào tạo chất lượng cao theo tiêu chuẩn của các nước tiên tiến trên thế giới và trong khu vực; đẩy mạnh đào tạo nghề cho lao động nông thôn.

- Rà soát, sắp xếp cơ sở giáo dục nghề nghiệp theo lộ trình quy định tại Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017, Nghị quyết số 08/NQ-CP ngày 24/01/2018 của Chính phủ. Triển khai xây dựng quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Đối với các địa phương: Quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp được tích hợp vào quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo quy định tại Luật Quy hoạch, Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch.

- Tăng cường tư vấn hướng nghiệp, chú trọng công tác phân luồng, liên thông, các chính sách cho giáo viên, giảng viên và học sinh; chuẩn hoá các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo (về nhà giáo và cán bộ quản lý, cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo...); kết nối đồng bộ giữa đào tạo với tạo việc làm trong nước và xuất khẩu lao động.

- Đẩy mạnh giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm đối với cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập.

- Đẩy mạnh xã hội hóa, thu hút các nguồn lực phát triển giáo dục nghề nghiệp; gắn kết chặt chẽ giữa cơ sở giáo dục nghề nghiệp với doanh nghiệp.

- Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và đào tạo./.

Ghi chú:

- Ngoài phần thuyết minh trên, đề nghị Quý cơ quan, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội báo cáo số liệu tại **Biểu số 01** kèm theo công văn này.

- Phụ lục số 01 gửi về Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp **trước ngày 31/7/2019**, đồng thời gửi kèm bản điện tử theo địa chỉ: khtc.gdnn@molisa.gov.vn.

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc đề nghị phản ánh về Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp (qua Vụ Kế hoạch - Tài chính, điện thoại: 0243.9745.197) để được hướng dẫn./.

[illegible]

**XÂY DỰNG DỰ TOÁN KINH PHÍ NĂM 2020 THỰC HIỆN CTMT,
CTMTQG TRONG LĨNH VỰC GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP**

*(Phụ lục kèm theo Công văn số 1342/TCGDNN-KHTC ngày 18/7/2019
của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp)*

I. CĂN CỨ XÂY DỰNG

1. Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015.
2. Luật Đầu tư công ngày 18 tháng 6 năm 2014.
3. Luật Giáo dục nghề nghiệp ngày 27 tháng 11 năm 2014.
4. Chỉ thị số 16/CT-TTg ngày 25/6/2019 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2020.
5. Chỉ thị số 17/CT-TTg ngày 27/6/2019 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng kế hoạch tài chính 05 năm giai đoạn 2021-2025.
6. Thông tư số 38/2019/TT-BTC ngày 28/6/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2020, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2020-2022; kế hoạch tài chính 05 năm tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương giai đoạn 2021-2025
7. Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016, số 1760/QĐ-TTg ngày 10/11/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020.
8. Quyết định số 971/QĐ-TTg ngày 01/7/2015 của Thủ tướng Chính phủ Về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27 tháng 11 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án " Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020".
9. Thông tư số 43/2017/TT-BTC ngày 12/5/2017 của Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020.
10. Thông tư số 25/2017/TT-BTC ngày 30/3/2017 của Bộ Tài chính quy định việc quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020.
11. Thông tư số 152/2016/TT-BTC ngày 17/10/2016 của Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp và đào tạo dưới 03 tháng.

12. Quyết định 899/QĐ-TTg ngày 20/6/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu Giáo dục nghề nghiệp - Việc làm và An toàn lao động giai đoạn 2016-2020.

13. Thông tư số 103/2017/TT-BTC ngày 05/10/2017 của Bộ Tài chính ban hành Thông tư quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu Giáo dục nghề nghiệp Việc làm và An toàn lao động giai đoạn 2016-2020.

14. Quyết định số 761/QĐ-TTg ngày 23/5/2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Đề án phát triển các trường nghề chất lượng cao đến năm 2020”.

15. Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 31/10/2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án “Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, hoạt động dạy và học nghề đến năm 2020”.

16. Quyết định số 371/QĐ-TTg ngày 28/2/2013 và Quyết định 1820/QĐ-TTg ngày 26/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Chuyển giao các bộ chương trình, đào tạo, bồi dưỡng giáo viên và cán bộ quản lý dạy nghề; đào tạo thí điểm các nghề trọng điểm cấp độ khu vực ASEAN, quốc tế” giai đoạn 2012-2015.

17. Quyết định số 1836/QĐ-LĐTBXH ngày 27/11/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội ngành, nghề trọng điểm; trường được lựa chọn ngành, nghề trọng điểm giai đoạn 2016 - 2020 và định hướng đến năm 2025.

18. Quyết định số 683/QĐ-LĐTBXH ngày 5/6/2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội phê duyệt danh sách các cơ sở hỗ trợ đầu tư theo chính sách quy định tại Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020 và Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020”.

19. Quyết định số 1952/QĐ-LĐTBXH ngày 19/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội V/v ban hành Kế hoạch thực hiện “Nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn”.

20. Đề án, kế hoạch đào tạo nghề cho lao động nông thôn giai đoạn 2016-2020 đã được địa phương phê duyệt.

21. Dự án đầu tư các ngành, nghề trọng điểm đến năm 2020 của các trường đã được các bộ, ngành, địa phương phê duyệt.

22. Tình hình phân bổ và thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ CTMT, CTMTQG năm 2019.

II. ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN CHỈ TIÊU, NHIỆM VỤ 6 THÁNG ĐẦU NĂM VÀ ƯỚC THỰC HIỆN CẢ NĂM 2019

Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương căn cứ mục tiêu, nhiệm vụ các hoạt động, tổng

mức vốn, kinh phí giai đoạn 2016-2020 đã được phê duyệt; mức đã bố trí giai đoạn 2016-2019; hướng dẫn thực hiện chỉ tiêu, nhiệm vụ chuyên môn của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và khả năng thực hiện trong CTMT, CTMTQG thuộc lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp để tổ chức:

- Đánh giá sát thực, đúng thực chất tình hình phân bổ, giao, thực hiện dự toán chi các hoạt động trong CTMTQG, CTMT thuộc lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp năm 2019.

- Phân tích, đánh giá những kết quả đạt được trong thực hiện nhiệm vụ được giao; các tồn tại, hạn chế trong việc thực hiện kế hoạch 6 tháng đầu năm, phân tích các nguyên nhân khách quan và chủ quan, đề xuất các giải pháp khắc phục nhằm hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ của Nội dung, Dự án.

- Dự kiến mức độ hoàn thành chỉ tiêu được giao năm 2019; nhiệm vụ và giải pháp 6 tháng cuối năm cần tập trung để hoàn thành kế hoạch cả năm.

III. XÂY DỰNG KẾ HOẠCH VÀ DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2020

1. Mục tiêu, yêu cầu

Năm 2020 là năm cuối triển khai các CTMTQG, CTMT giai đoạn 05 năm 2016-2020 đề nghị các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trên cơ sở đánh giá thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ của các hoạt động trong CTMT, CTMTQG thuộc lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp giai đoạn 2016-2019, bám sát các mục tiêu, nhiệm vụ, nội dung đã phê duyệt để xác định nhiệm vụ trọng tâm, quan trọng thực hiện trong năm 2020 nhằm phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao; gắn kết chặt chẽ phát triển nguồn nhân lực với phát triển và ứng dụng khoa học, công nghệ, nâng cao năng suất lao động, đáp ứng yêu cầu phát triển và hội nhập; tận dụng tốt cơ hội của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

- Lập dự toán thực hiện các hoạt động trong CTMT, CTMTQG thuộc lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp đảm bảo thời gian quy định của Luật NSNN; thuyết minh về cơ sở pháp lý, chi tiết tính toán và giải trình cụ thể.

2. Xây dựng dự toán thực hiện các hoạt động

- Căn cứ mục tiêu, nhiệm vụ của nội dung, dự án thuộc CTMT, CTMTQG; tổng mức vốn, kinh phí giai đoạn 2016-2020 đã được phê duyệt; mức đã bố trí giai đoạn 2016-2019 và khả năng thực hiện, lập dự toán, kinh phí năm 2020 cho các nội dung, hoạt động phù hợp với các chỉ tiêu, nhiệm vụ đã được Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt tại các Quyết định số 899/QĐ-TTg ngày 20/6/2017, 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016, số 1760/QĐ-TTg ngày 10/11/2017. Chủ động sắp xếp thứ tự ưu tiên các nhiệm vụ theo mức độ cấp thiết, khả năng triển khai các chỉ tiêu, nhiệm vụ thuộc CTMT, CTMTQG trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp.

- Dự toán phải kèm thuyết minh chi tiết chỉ tiêu, nhiệm vụ của từng nội dung, nhiệm vụ và hoạt động.

IV. ĐỀ XUẤT NỘI DUNG, HOẠT ĐỘNG, KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH THỰC HIỆN GIAI ĐOẠN 2021-2025 TRONG LĨNH VỰC GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP

- Để triển khai các nhiệm vụ, giải pháp chiến lược tại Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 14/11/2013 của Hội nghị lần thứ 8, Ban Chấp hành Trung ương khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu CNH-HĐH trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng XHCN và hội nhập quốc tế, đề nghị nghiên cứu, đề xuất nội dung, hoạt động, kế hoạch tài chính trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp giai đoạn 2021-2025.

Ghi chú:

- Ngoài phần thuyết minh trên, đề nghị Quý cơ quan, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội báo cáo số liệu tại **Biểu số 02** kèm theo công văn này.

- Phụ lục số 02 gửi về Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp **trước ngày 31/7/2019**, đồng thời gửi kèm bản điện tử theo địa chỉ: ctmt.gdnn@molisa.gov.vn.

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc đề nghị phản ánh về Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp (qua Ban quản lý các dự án Giáo dục nghề nghiệp vốn CTMTQG, CTMT giai đoạn 2016-2020, điện thoại: 0243.9740.362) để được hướng dẫn./.

KINH PHÍ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA, CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU NĂM 2020 TRONG LĨNH VỰC GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP

(Kèm theo Phụ lục 02 Công văn số 1342/TCGDNN-KHTC ngày 18 tháng 7 năm 2019 của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp)

TT	Chỉ tiêu, nhiệm vụ	ĐVT	Kết quả thực hiện giai đoạn 2016-2018			Ước thực hiện năm 2019					Kế hoạch năm 2020
			Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Kế hoạch	Ước thực hiện 06 tháng	Ước thực hiện 6 tháng so với cùng kỳ năm 2018 (%)	Ước thực hiện cả năm	Ước thực hiện cả năm so với thực hiện 2018 (%)	
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8	9
	Tổng số										
A	CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA										
	Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020										
	- Ngân sách Trung ương										
	- Ngân sách địa phương										
	- Nguồn huy động hợp pháp khác										
I	Nội dung số 06: Nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn										
	Tổng kinh phí										
	- Ngân sách Trung ương	Trđ									
	- Ngân sách địa phương	Trđ									
	- Nguồn huy động hợp pháp khác	Trđ									
	Nội dung										
1	Tuyên truyền, tư vấn học nghề và việc làm đối với LĐNT	Người									
	- Ngân sách Trung ương	Trđ									
	- Ngân sách địa phương	Trđ									
	- Nguồn huy động hợp pháp khác	Trđ									
2	Rà soát, cập nhật, xác định nhu cầu đào tạo nghề cho LĐNT										
	- Ngân sách Trung ương	Trđ									
	- Ngân sách địa phương	Trđ									
	- Nguồn huy động hợp pháp khác	Trđ									
3	Phát triển chương trình, giáo trình	Chương trình/Giáo trình									
	- Ngân sách Trung ương	Trđ									
	- Ngân sách địa phương	Trđ									
	- Nguồn huy động hợp pháp khác	Trđ									

TT	Chỉ tiêu, nhiệm vụ	DVT	Kết quả thực hiện giai đoạn 2016-2018			Ước thực hiện năm 2019					Kế hoạch năm 2020
			Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Kế hoạch	Ước thực hiện 06 tháng	Ước thực hiện 6 tháng so với cùng kỳ năm 2018 (%)	Ước thực hiện cả năm	Ước thực hiện cả năm so với thực hiện 2018 (%)	
4	Hỗ trợ đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo, phương tiện vận chuyển đào tạo nghề lưu động cho các cơ sở tham gia đào tạo nghề cho LĐNT										
	- Ngân sách Trung ương	Trđ									
	- Ngân sách địa phương	Trđ									
	- Nguồn huy động hợp pháp khác	Trđ									
4.1	Cơ sở GDNN A	Cơ sở									
4.1	Cơ sở GDNN B	Cơ sở									
...										
5	Đào tạo, bồi dưỡng giáo viên, cán bộ quản lý GDNN ở trong và ngoài nước, giáo viên giảng dạy kiến thức kinh doanh khởi sự doanh nghiệp cho LĐNT	Người									
	- Ngân sách Trung ương	Trđ									
	- Ngân sách địa phương	Trđ									
	- Nguồn huy động hợp pháp khác	Trđ									
6	Hỗ trợ đào tạo nghề cho LĐNT										
	- Ngân sách Trung ương	Trđ									
	- Ngân sách địa phương	Trđ									
	- Nguồn huy động hợp pháp khác	Trđ									
6.1	Chia theo lĩnh vực										
	Nông nghiệp	Người									
	Phi nông nghiệp	Người									
6.2	Chia theo trình độ										
	Cao đẳng, trung cấp	Người									
	Sơ cấp	Người									
	Dưới 03 tháng	Người									
6.3	Chia theo đối tượng										
	Nữ	Người									
	Người được hưởng chế độ chính sách ưu đãi người có công với cách mạng	Người									
	Người thuộc hộ nghèo	Người									
	Người dân tộc thiểu số	Người									

TT	Chỉ tiêu, nhiệm vụ	ĐVT	Kết quả thực hiện giai đoạn 2016-2018			Ước thực hiện năm 2019					Kế hoạch năm 2020
			Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Kế hoạch	Ước thực hiện 06 tháng	Ước thực hiện 6 tháng so với cùng kỳ năm 2018 (%)	Ước thực hiện cả năm	Ước thực hiện cả năm so với thực hiện 2018 (%)	
	Người khuyết tật	Người									
	Người bị thu hồi đất nông nghiệp	Người									
	Người thuộc hộ cận nghèo	Người									
	LDNT khác	Người									
7	Giám sát, đánh giá tình hình thực hiện nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho LDNT										
	- Ngân sách Trung ương	Trđ									
	- Ngân sách địa phương	Trđ									
	- Nguồn huy động hợp pháp khác	Trđ									
B	CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU										
	- Ngân sách Trung ương	Trđ									
	- Ngân sách địa phương	Trđ									
	- Nguồn huy động hợp pháp khác	Trđ									
	Chương trình mục tiêu Giáo dục nghề nghiệp - Việc làm và An toàn lao động										
I	Dự án "Đổi mới và nâng cao chất lượng Giáo dục nghề nghiệp"										
	Tổng kinh phí										
	- Ngân sách Trung ương	Trđ									
	- Ngân sách địa phương	Trđ									
	- Nguồn huy động hợp pháp khác	Trđ									
I	Nội dung: Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, hoạt động dạy và học nghề đến năm 2020										
a	Kinh phí										
	- Ngân sách Trung ương	Trđ									
	- Ngân sách địa phương	Trđ									
	- Nguồn huy động hợp pháp khác	Trđ									
b	Chỉ tiêu, nhiệm vụ										
	- Đầu tư cơ sở hạ tầng CNTT cho các cơ sở GDNN	Cơ sở GDNN									
	- Đầu tư phòng học đa phương tiện, phòng chuyên môn hóa	Phòng học									
	- Hệ thống thiết bị mô phỏng, thiết bị thực tế ảo	Hệ thống/thiết bị									
	- Phần mềm mô phỏng thiết bị dạy học thực tế ảo	Phần mềm									
	- Số hóa các chương trình, giáo trình, học liệu, bài giảng điện tử, bài giảng mô phỏng, tài liệu khoa học về giáo dục nghề nghiệp.	Số chương trình/bài giảng									

TT	Chỉ tiêu, nhiệm vụ	ĐVT	Kết quả thực hiện giai đoạn 2016-2018			Ước thực hiện năm 2019					Kế hoạch năm 2020
			Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Kế hoạch	Ước thực hiện 06 tháng	Ước thực hiện 6 tháng so với cùng kỳ năm 2018 (%)	Ước thực hiện cả năm	Ước thực hiện cả năm so với thực hiện 2018 (%)	
2	Nội dung: Đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo										
a	Kinh phí										
	- Ngân sách Trung ương	Trđ									
	- Ngân sách địa phương	Trđ									
	- Nguồn huy động hợp pháp khác	Trđ									
b	Chỉ tiêu, nhiệm vụ										
	- Cải tạo, sửa chữa một số hạng mục công trình nhà xưởng thực hành của cơ sở giáo dục nghề nghiệp	Trường									
	- Hỗ trợ đầu tư thiết bị đào tạo các ngành, nghề trọng điểm	Ngành, nghề trọng điểm									
3	Nội dung: Chuẩn hóa, phát triển đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục nghề nghiệp										
a	Kinh phí										
	- Ngân sách Trung ương	Trđ									
	- Ngân sách địa phương	Trđ									
	- Nguồn huy động hợp pháp khác	Trđ									
b	Chỉ tiêu, nhiệm vụ										
	- Bồi dưỡng chuẩn hóa nghiệp vụ sư phạm giáo dục nghề nghiệp	Người									
	- Tổ chức bồi dưỡng về đào tạo theo tín chỉ; biên soạn giáo án và tổ chức giảng dạy tích hợp; tổ chức đào tạo và đánh giá theo năng lực thực hiện; kỹ năng mềm cho giáo viên, giảng viên giáo dục nghề nghiệp.	Người									
	- Bồi dưỡng kỹ năng nghề và tổ chức kiểm tra, đánh giá cấp chứng chỉ kỹ năng thực hành nghề cho giáo viên, giảng viên.	Người									
	- Bồi dưỡng tiếng Anh chuyên ngành cho giáo viên dạy các nghề được đầu tư trọng điểm cấp độ quốc gia.	Người									
	- Tổ chức bồi dưỡng công nghệ mới cho giáo viên, giảng viên.	Người									
	- Bồi dưỡng nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học cho giảng viên trong các cơ sở nghiên cứu và các cơ sở giáo dục nghề nghiệp	Người									
	- Đào tạo, bồi dưỡng ở trong nước về nghiệp vụ quản lý giáo dục nghề nghiệp cho cán bộ quản lý giáo dục nghề nghiệp.	Người									
	- Đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn để nâng cao trình độ ngoại ngữ ở trong nước và nước ngoài cho cán bộ quản lý giáo dục nghề nghiệp.	Người									
	- Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học, quản lý khoa học cho cán bộ quản lý, nghiên cứu viên, giảng viên tại các cơ sở nghiên cứu khoa học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp.	Người									
	- Đào tạo và bồi dưỡng cho cán bộ quản lý thiết bị tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp	Người									
4	Nội dung: Phát triển hoạt động kiểm định và bảo đảm chất lượng giáo dục nghề nghiệp										

TT	Chỉ tiêu, nhiệm vụ	ĐVT	Kết quả thực hiện giai đoạn 2016-2018			Ước thực hiện năm 2019					Kế hoạch năm 2020
			Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Kế hoạch	Ước thực hiện 06 tháng	Ước thực hiện 6 tháng so với cùng kỳ năm 2018 (%)	Ước thực hiện cả năm	Ước thực hiện cả năm so với thực hiện 2018 (%)	
a	Kinh phí										
	- Ngân sách Trung ương	Trđ									
	- Ngân sách địa phương	Trđ									
	- Nguồn huy động hợp pháp khác	Trđ									
b	Chỉ tiêu, nhiệm vụ										
	- Đánh giá cấp thẻ kiểm định viên chất lượng giáo dục nghề nghiệp	Người									
	- Đào tạo, bồi dưỡng cho kiểm định viên chất lượng giáo dục nghề nghiệp	Người									
	- Bồi dưỡng kiến thức về bảo đảm chất lượng	Người									
	- Hỗ trợ các cơ sở giáo dục nghề nghiệp để thực hiện kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp	Cơ sở GDNN									
+	Trường A										
+	Trường B										
	- Kiểm định chất lượng chương trình đào tạo	Chương trình									
	- Đánh giá, công nhận trường chất lượng cao	Trường									
	- Số trường được xây dựng hệ thống bảo đảm chất lượng	Trường									
	- Số trường được xây dựng hệ thống thông tin quản lý và công cụ giám sát đánh giá chất lượng	Trường									
6	Nội dung: Phát triển hệ thống đánh giá kỹ năng nghề quốc gia										
a	Kinh phí										
	- Ngân sách Trung ương	Trđ									
	- Ngân sách địa phương	Trđ									
	- Nguồn huy động hợp pháp khác	Trđ									
b	Chỉ tiêu, nhiệm vụ										
	- Đào tạo, bồi dưỡng đánh giá viên kỹ năng nghề quốc gia	Người									
	- Đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia cho người lao động	Lượt người									
	Nội dung: Nâng cao năng lực tư vấn, hướng nghiệp, thông tin, tuyên truyền, dự báo nhu cầu đào tạo về giáo dục nghề nghiệp gắn với việc làm đáp ứng thị trường lao động và công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá thực hiện Dự án										
7											
a	Kinh phí										
	- Ngân sách Trung ương	Trđ									
	- Ngân sách địa phương	Trđ									
b	Chỉ tiêu, nhiệm vụ										
	- Nâng cao năng lực tư vấn, hướng nghiệp, tuyên truyền, dự báo nhu cầu đào tạo về giáo dục nghề nghiệp gắn với việc làm đáp ứng thị trường lao động	Chương trình									

TT	Chi tiêu, nhiệm vụ	ĐVT	Kết quả thực hiện giai đoạn 2016-2018			Ước thực hiện năm 2019					Kế hoạch năm 2020
			Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Kế hoạch	Ước thực hiện 06 tháng	Ước thực hiện 6 tháng so với cùng kỳ năm 2018 (%)	Ước thực hiện cả năm	Ước thực hiện cả năm so với thực hiện 2018 (%)	
+	Xây dựng và phát hành các bộ tài liệu, ấn phẩm, sách, tờ rơi, phóng sự, phim tài liệu... liên quan đến lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp	Sách/tờ rơi/phóng sự/phim									
+	Hội thảo, hội nghị, tọa đàm... theo các chuyên đề liên quan đến lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp	Hội thảo/hội nghị									
+	Tổ chức điều tra, khảo sát, thống kê, theo dõi, đánh giá, phân tích, dự báo nhu cầu đào tạo	Lượt									
-	Đào tạo, bồi dưỡng cho cán bộ phụ trách công tác tư vấn, hướng nghiệp cho học sinh, sinh viên	Người									
-	Đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng mềm cho giáo viên, cán bộ quản lý, cán bộ làm công tác học sinh, sinh viên	Người									
-	Kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện	Số đơn vị được kiểm tra									

BÁO CÁO RÀ SOÁT, SẮP XẾP CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP

*(Phụ lục kèm theo Công văn số 1342/TCGDNN-KHTC ngày 18/7/2019
của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp)*

Ngày 23/8/2018, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội có công văn số 3487/LĐTBXH-KHTC gửi các bộ, ngành, địa phương về rà soát, đánh giá cơ sở giáo dục nghề nghiệp. Tuy nhiên, đến nay một số bộ, ngành, địa phương chưa có báo cáo gửi Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

Để đảm bảo tính cập nhật về thực trạng các cơ sở giáo dục nghề nghiệp phục vụ xây dựng Đề án sắp xếp, tổ chức lại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo quy định tại Nghị quyết số 08/NQ-CP ngày 24/01/2018 của Chính phủ, Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp đề nghị các bộ, ngành, địa phương báo cáo số liệu theo **Biểu số 03, 04, 05, 06** kèm theo công văn này.

Các bộ, ngành, địa phương đã phê duyệt Đề án sắp xếp, tổ chức lại đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý, đề nghị gửi Quyết định về Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (qua Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp) để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ./.

Ghi chú:

- Phụ lục số 03 gửi về Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp **trước ngày 10/8/2019**, đồng thời gửi kèm bản điện tử theo địa chỉ: khtc.gdnn@molisa.gov.vn.

- Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc đề nghị phản ánh về Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp (qua Vụ Kế hoạch - Tài chính, điện thoại: 0243.9745.197) để được hướng dẫn./.

MẠNG LƯỚI CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA BỘ, NGÀNH, CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG

(Kèm theo Phụ lục số 03 Công văn số 1342/TCGDNN-KHTC ngày 18 tháng 7 năm 2019 của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp)

TT	Cơ sở giáo dục nghề nghiệp	Mạng lưới cơ sở GDNN đến 30/6/2019					Mạng lưới cơ sở GDNN (dự kiến đến 2021)				Mạng lưới cơ sở GDNN (dự kiến đến 2025)				Mạng lưới cơ sở GDNN (dự kiến đến 2030)			
		Tổng số	Trong đó:				Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Trong đó:		
			Trường Cao đẳng	Trường Trung cấp	Trung tâm GDNN	Cơ sở khác có tham gia đào tạo nghề nghiệp		Trường Cao đẳng	Trường Trung cấp	Trung tâm GDNN		Trường Cao đẳng	Trường Trung cấp	Trung tâm GDNN		Trường Cao đẳng	Trường Trung cấp	Trung tâm GDNN
I	Cơ sở GDNN thuộc Bộ (ghi tổng số)																	
	Trong đó, trường đặc thù:																	
	Trường y tế																	
	Trường văn hoá nghệ thuật																	
	Trường dân tộc nội trú																	
																	
II	Cơ sở GDNN thuộc tổ chức chính trị - xã hội (ghi tổng số)																	
	Trong đó, trường đặc thù:																	
	Trường y tế																	
	Trường văn hoá nghệ thuật																	
	Trường dân tộc nội trú																	
																	
III	Cơ sở GDNN thuộc doanh nghiệp nhà nước (ghi tổng số)																	
	Trong đó, trường đặc thù:																	
	Trường y tế																	
	Trường văn hoá nghệ thuật																	
	Trường dân tộc nội trú																	
																	
	Tổng (I+II+III)																	

Ghi chú: Chỉ điền số lượng cơ sở GDNN vào bảng, không ghi tên cơ sở GDNN

Tỉnh, thành phố:

Biểu số 03-BP

MẠNG LƯỚI CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA ĐỊA PHƯƠNG
(Kèm theo Phụ lục số 03 Công văn số 1342/TCGDNN-KHTC ngày 18 tháng 7 năm 2019 của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp)

TT	Cơ sở giáo dục nghề nghiệp	Mạng lưới cơ sở GDNN đến 30/6/2019				Mạng lưới cơ sở GDNN (dự kiến đến 2021)				Mạng lưới cơ sở GDNN (dự kiến đến 2025)				Mạng lưới cơ sở GDNN (dự kiến đến 2030)			
		Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Trong đó:		
			Trường Cao đẳng	Trường Trung cấp	Trung tâm GDNN		Trường Cao đẳng	Trường Trung cấp	Trung tâm GDNN		Trường Cao đẳng	Trường Trung cấp	Trung tâm GDNN		Trường Cao đẳng	Trường Trung cấp	Trung tâm GDNN
I	Công lập (ghi tổng số)																
	Trong đó, trường đặc thù:																
	Trường y tế																
	Trường văn hoá nghệ thuật																
	Trường dân tộc nội trú																
																
II	Ngoài công lập (ghi tổng số)																
	Trong đó, trường đặc thù:																
	Trường y tế																
	Trường văn hoá nghệ thuật																
	Trường dân tộc nội trú																
																
	Tổng (I+II)																

Ghi chú: Chỉ điền số lượng cơ sở GDNN vào bảng, không ghi tên cơ sở GDNN

TÌNH HÌNH TỰ CHỦ TÀI CHÍNH TẠI TRƯỜNG CAO ĐẲNG, TRUNG CẤP CÔNG LẬP THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ

(Kèm theo Phụ lục số 03 Công văn số 1342/TCGDNN-KHTC ngày 18 tháng 7 năm 2019 của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp)

TT	Tên cơ sở GDNN công lập	Mức độ tự chủ về tài chính (%) (*)									
		Năm 2017		Năm 2018		Dự kiến năm 2019		Dự kiến năm 2020		Dự kiến năm 2021	
		Đầu tư	Thường xuyên	Đầu tư	Thường xuyên	Đầu tư	Thường xuyên	Đầu tư	Thường xuyên	Đầu tư	Thường xuyên
I	Trường cao đẳng										
..	Trường A....										
..										
II	Trường trung cấp										
..	Trường A....										
..										

Ghi chú:

(*) Mức độ tự chủ về tài chính: Bao gồm mức độ tự chủ về chi đầu tư và mức độ tự chủ về chi thường xuyên, trong đó:

+ Mức độ tự chủ về chi đầu tư:

$$\text{Mức độ tự chủ về chi đầu tư (\%)} = \frac{\text{Tổng số kinh phí chi đầu tư từ các nguồn thu hợp pháp của trường}}{\text{Tổng số kinh phí đầu tư}} \times 100\%$$

+ Mức độ tự chủ về chi thường xuyên: Tính theo công thức tại mục II.2 Thông tư số 71/2006/TT-BTC ngày 9/8/2006 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 của Chính phủ quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập như sau:

$$\text{Mức tự bảo đảm chi phí hoạt động thường xuyên của đơn vị (\%)} = \frac{\text{Tổng số nguồn thu sự nghiệp (bao gồm cả nguồn NSNN đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công theo giá tính đủ chi phí và các khoản thu sự nghiệp)}}{\text{Tổng số chi hoạt động thường xuyên}} \times 100\%$$

**NGÀNH, NGHỀ ĐÀO TẠO TẠI TRƯỜNG CAO ĐẲNG, TRUNG CẤP
THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ**

*(Kèm theo Phụ lục số 03 Công văn số 1342/TCGDNN-KHTC ngày 18 tháng 7 năm 2019
của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp)*

TT	Tên cơ sở GDNN	Loại hình cơ sở GDNN (*)		Tên ngành, nghề đào tạo theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN được cấp bởi cấp có thẩm quyền
		Công lập	Ngoài công lập	
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>C</i>	<i>D</i>	<i>E</i>
I	Trường cao đẳng			
..	Trường A...			
..			
II	Trường trung cấp			
..	Trường A.....			
..			

Ghi chú:

(*): Đánh dấu ✓ vào ô

